

## NHÂN HỌC VỀ GIỚI

1. Mã học phần: ANT3003
2. Số tín chỉ: 03
3. Học phần tiên quyết: ANT1100
4. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt
5. Giảng viên :
  - Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thu Hương, Khoa Nhân học, Nhà A, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
  - Giảng viên 2: GS. TS. Lê Thị Quý, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
6. Mục tiêu học phần:
  - *Về kiến thức*: Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về: 1) những khái niệm, lý thuyết, tranh luận chính xoay quanh nghiên cứu giới và phụ nữ trong lịch sử phát triển nhân học; 2) tác động từ khía cạnh giới tới quá trình triển khai nghiên cứu thực địa nhân học.
  - *Về kỹ năng*: Rèn luyện cho người học khả năng kết hợp và đánh giá các tiếp cận nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn để phân tích các vấn đề văn hóa – xã hội dưới lăng kính giới; qua đó giúp sinh viên nhận thức được các tình huống/hạn chế có tính chủ quan trong quá trình triển khai nghiên cứu trên thực địa.
  - *Về thái độ*: Sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng tìm kiếm/tổng hợp thông tin; khả năng làm việc nhóm; hình thành thái độ tự tin cũng như tôn trọng sự khác biệt giới trong giao tế xã hội.
7. Chuẩn đầu ra của học phần:
  - *Về kiến thức*: Thông thạo hoàn thành học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về vấn đề giới ở các góc độ khái niệm, lý thuyết, tranh luận chính xoay quanh nghiên cứu giới và phụ nữ trong lịch sử phát triển nhân học; 2) và hiểu được các tác động từ khía cạnh giới liên quan đến di sản văn hóa dân tộc học.
  - *Về kỹ năng*: Sinh viên có khả năng kết hợp và đánh giá các tiếp cận nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn để phân tích các vấn đề văn hóa – xã hội dưới lăng kính giới; nhận thức được các tình huống/hạn chế có tính chủ quan trong quá trình triển khai nghiên cứu trên thực địa.
  - *Về thái độ*: Sinh viên có thái độ chuyên môn chuyên nghiệp, chống phân biệt giới, hình thành thái độ tự tin cũng như tôn trọng sự khác biệt giới trong giao tiếp xã hội.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

- *Kiểm tra và tiêu chí đánh giá:*

- + Điểm đánh giá thường xuyên: Được chấm dựa trên các cơ sở sau: đến lớp đều đặn, đúng giờ; chuẩn bị bài tốt; tích cực tham gia thảo luận, lắng nghe và phản hồi sinh viên khác thảo luận. Riêng phần thảo luận có liên quan đến phương pháp nghiên cứu trong nhân học, nên sinh viên có thể sẽ được yêu cầu làm một bài tập quan sát tham gia.
- + Điểm thi giữa kỳ: Được đánh giá bằng bài thi viết kiểm tra kiến thức của sinh viên đã tích lũy được cho đến thời điểm thi. Sinh viên sẽ được thông báo trước 01 tuần về những nội dung để chuẩn bị.
- + Điểm thi hết môn: Được đánh giá bằng bài thi viết kiểm tra kiến thức của môn học trong học kỳ. Sinh viên sẽ được thông báo về nội dung ôn tập để chuẩn bị.

- *Phân bố điểm:*

TT	Loại điểm	Tỷ lệ %	Ghi chú
1)	Đánh giá thường xuyên	10	
2)	Thi giữa kỳ	30	
3)	Thi hết môn	60	Sinh viên chỉ được tham gia thi hết môn nếu có đủ 2 điểm đánh giá thường xuyên và giữa kỳ đạt từ điểm D trở lên.
	Tổng cộng	100	

9. Giáo trình bắt buộc:

- Simon De Beauvoir. 1996. *Giới nữ* (tập 1 &2). Hà Nội: NXB Phụ nữ.
- Grant Evans. 2005. *Bức khảm Châu Á*. Hà Nội: NXB Văn hóa dân tộc.
- Emily Schultz & Robert Lavenda. 2001. *Nhân học: một quan điểm về tình trạng nhân sinh*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Lê Ngọc Văn (chủ biên). 2006. *Nghiên cứu gia đình: lý thuyết nữ quyền – quan điểm giới*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

10. Tóm tắt nội dung môn học: Môn học này hướng tới phân tích cách tiếp cận nhân học về giới, mối liên hệ đa phức giữa vai trò, đặc tính giới và các thực hành giới. Với trọng tâm là các vấn đề phương pháp, nghiên cứu dân tộc chí, môn học đi vào tìm hiểu sự đan kết giữa việc nghiên cứu giới và các chủ đề nhân học truyền thống như tính cá nhân, cấu trúc thân tộc, vai trò giới và thiết chế cộng đồng. Hơn thế, qua xem xét những biến chuyển trong dòng tranh luận về chủ thuyết phụ nữ, môn học cho thấy tầm quan trọng và bức thiết của yếu tố chủng tộc, tộc người cũng như giai tầng xã hội cho các phân tích nhân học giới trên nền quá trình toàn cầu hóa.

## 11. Nội dung chi tiết:

### Bài 1: Giới thiệu lịch sử nghiên cứu giới trong nhân học

#### 1.1 Khái niệm

##### 1.1.1 Nhân học (anthropology)

##### 1.1.2 Giới (gender), giới tính (sex) và tính dục (sexuality)

##### 1.1.3 Nam tính (masculinity)/Nữ tính (femininity)

#### 1.2 Sự khởi đầu của nhân học theo chủ thuyết phụ nữ

##### 1.2.1 Khái niệm chủ thuyết phụ nữ (feminism)

##### 1.2.2 Nguồn gốc xã hội của chủ thuyết phụ nữ

##### 1.2.3. Ba ‘làn 3hon’ phát triển chính của chủ thuyết phụ nữ

### Bài 2: Điền dã dân tộc chí, giới và tính dục

#### 2.1 Khái niệm

##### 2.1.1 ‘Điền dã dân tộc chí’

##### 2.1.2 Góc nhìn ‘người ngoài cuộc’ (etic)/ ‘người trong cuộc’ (emic)

##### 2.1.3 Chủ thể (subjectivity)/khách thể (objectivity) và 3hon chủ thể (inter-subjectivity)

#### 2.2. Thiết lập quan hệ trên thực địa

##### 2.2.1 Những yêu cầu đạo đức với nhà nghiên cứu nhân học

##### 2.2.2 Đời sống trên thực địa

##### 2.2.2.1 ‘Cú sốc’ văn hóa

##### 2.2.2.2 Tình bạn

##### 2.2.2.3 Tình yêu

##### 2.2.2.4 Tình dục

##### 2.2.2.5 Bệnh tật

### Bài 3: Giới, sinh học và sự tiến hóa loài người

#### 3.1. Thuyết sinh học xã hội trong Nhân học

#### 3.2. Thuyết duy vật trong Nhân học

#### 3.3. Tiếp cận cấu trúc luận

### Bài 4: Văn hóa, cơ thể và tình dục

#### 4.1. Thuyết kiến tạo văn hóa

##### 4.1.1. Sự phân định Nam/Văn hóa (Culture) >< Nữ/Tự nhiên (Nature)

##### 4.1.2. Sự phân định ‘Ngoài xã hội’ (Public) >< ‘Trong gia đình’ (Domestic)

#### 4.2. ‘Cơ thể’ trong chủ thuyết phụ nữ

#### 4.3. Các khuynh hướng tình dục

##### 4.3.1. Tình dục khác giới

##### 4.3.2. Tình dục đồng giới

##### 4.3.3. Tình dục lưỡng giới

### Bài 5: Giới, hôn nhân và sinh sản

#### 5.1. Hôn nhân

##### 5.1.1. Các hình thức và chức năng của hôn nhân

- 5.1.2. Các hình thức cư trú sau hôn nhân
- 5.1.3. Tình dục tiền hôn nhân
- 5.2. Sinh sản
  - 5.2.1. Phong tục, tập quán 4hôn quan đến sinh đẻ
  - 5.2.2. Khía cạnh xã hội của sinh sản
  - 5.2.3. Khía cạnh chính trị của sinh sản

Bài 6: Giới, gia đình và 4hôn tộc

- 6.1. Gia đình
  - 6.1.1 Các hình thức gia đình
  - 6.1.2. Chức năng của gia đình
  - 6.1.3. Quan hệ giới trong gia đình
- 6.2. Thân tộc
  - 6.2.1 Khái niệm
  - 6.2.2. Cấu trúc 4hôn tộc
  - 6.2.3. Phân định giới trong các sinh hoạt 4hôn tộc

Bài 7: Giới, nghi lễ và tôn giáo

- 7.1. Khái niệm tôn giáo, tín ngưỡng
- 7.2. Các hình thức thực hành tôn giáo/tín ngưỡng
- 7.3. Nghi thức thành đình
- 7.4. Các sự kiện sinh học có tính biểu trưng: tuổi dậy thì, tiền mãn kinh

Bài 8: Giới, phát triển và toàn cầu hóa

- 8.1. Vấn đề lồng ghép giới trong các chính sách xóa đói giảm nghèo
- 8.2. Dịch chuyển dân cư nội địa/xuyên biên giới
- 8.3. Vai trò truyền thông đại chúng và Internet.

GIẢNG VIÊN

CHỦ NHIỆM  
KHOA

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS Nguyễn Thu Hương

Nguyễn Văn Sửu

PGS.TS. Nguyễn Văn Kim

